

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

Giấy chứng nhận ĐKKD 4203000184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 13/02/2008 – thay đổi lần thứ ba (03) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06 tháng 12 năm 2016 với Mã số doanh nghiệp 5800563106

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1 - Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – P.1 – TP. Bảo Lộc – Lâm Đồng

Điện thoại: 063.3864073

Fax: 063.3711608

Website : capnuocbaoloc.com

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tn: **Võ Thành Nam**

Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu Tư Cty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Điện thoại: 0633.864073 – 0983.579.879

Fax: 063.3711608

Mail: ksvtn1309@gmail.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC.

I. Lịch sử hoạt động của Công ty :

Hệ thống cấp nước Bảo Lộc được hình thành từ những năm của thập niên 70 thế kỷ 20, hệ thống này hình thành phục vụ chủ yếu cho một số quan chức và chính quyền đương thời. Sau năm 1975, Nhà máy nước Bảo Lộc chịu sự quản lý của UBND huyện Bảo Lộc, đến năm 1992 được sát nhập vào Công ty Cấp nước Lâm Đồng cùng với các Nhà máy nước Di Linh và Đức Trọng. Từ đó Nhà máy nước Bảo Lộc là một đơn vị thành viên trực thuộc Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 686/QĐ/UB ngày 24/10/1992 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 1998 chuyển thành loại hình doanh nghiệp công ích theo quyết định số 1269/QĐ/UB của UBND Tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình sắp xếp đổi mới, năm 2004 doanh nghiệp lại được điều chỉnh chuyển sang loại hình doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh. Ngày 18/10/2005 UBND Tỉnh Lâm Đồng ra quyết định số 2873/QĐ-UBND thành lập Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng.

1. Những sự kiện quan trọng:

13 tháng 02 năm 2008, Nhà máy nước Bảo Lộc thuộc Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng đã nhận được giấy phép đăng ký kinh doanh mới và chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc theo quyết định cổ phần hóa của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng ngày 04 tháng 05 năm 2006. Ngày 20/09/2016 Quyết định của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng Ủy quyền phần vốn nhà nước cho Công ty CP Cấp Thoát Nước và XD Bảo Lộc.

+ Niêm yết

Tại sàn giao dịch UPCOM tại SGDCK Hà nội ngày 14/06/2010

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh :

- Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch cho các khu đô thị và khu công nghiệp.
- Thoát nước và xử lý nước thải.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.
- Kiểm tra đồng hồ đo nước lạnh.
- Thăm dò địa chất, nguồn nước. Hoạt động đo đạc bản đồ. Hoạt động kiến trúc.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

- Xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước, dân dụng và công nghiệp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã ba (03) lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba (03) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06 tháng 12 năm 2016 với Mã số doanh nghiệp 5800563106, có nội dung như sau:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch cho các khu đô thị và khu công nghiệp; Thoát nước và xử lý nước thải; Dịch vụ lưu trú ngắn hạn; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 56 Lê Thị Pha, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Tình hình hoạt động

Do hiện tại công suất nhà máy chưa khai thác hết, nhân dân nhiều khu vực còn chưa được cung cấp nước. Hiện tại chỉ cung cấp khoảng 53% cho khu vực nội thị trong thành phố. Cho nên để nâng cao hiệu quả trong sản xuất nước thì trước mắt ta cần hoàn thiện và mở rộng phạm vi của hệ thống cấp nước hiện có nhằm phát huy hết hiệu quả của hệ thống và cung cấp nước đầy đủ cho nhân dân. Cty đã hoạt động được hơn 47 năm, tuy nhiên hệ thống cấp nước mới được mở rộng cải tạo vào năm 2002 . Khách hàng của Cty rất lớn nhưng không tập trung nên chi phí đầu tư cho 1 khách hàng cao. Cty cũng đã tạo ra được uy tín với khách hàng. Nên việc giữ vững uy tín với khách hàng là nhiệm vụ hàng đầu trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong tương lai.

- Kể từ khi đi vào Cổ phần 2/2008 đến nay Cty đã có nhiều cố gắng tập trung nâng công suất Sản xuất nước từ 7.500m³/ngày/đêm đến năm 2016 đạt 11.300 m³/ngày/ đêm.

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Đầu tư tăng sản lượng, mở rộng hệ thống ống cấp nước nhằm đáp ứng cho nhu cầu sử dụng cho các đối tượng sử dụng nước trên địa bàn thành phố.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Hiện nay các các khu công nghiệp đang mở ra, đây là thị trường rất tốt cho việc phát triển mở rộng kinh doanh. Cần phải có định hướng đúng đắn để đầu tư và tận dụng nguồn vốn xây dựng hạ tầng của các khu công nghiệp này, đây là nguồn lực không nhỏ đối với việc phát triển ngành nước.

Trên địa bàn thành phố Bảo Lộc hiện nay có 02 dự án:

- Dự án Xử lý nước thải khu vực trung tâm thành phố Bảo Lộc, đầu tư bằng nguồn vốn vay ODA Chính phủ Bỉ (do UBND thành phố ủy quyền làm chủ đầu tư)
- Dự án kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước sạch, nâng cấp hệ thống cấp nước thành phố Bảo Lộc, Dự án thu gom và xử lý nước thải tại TP Bảo Lộc, dự án kiểm soát tỷ lệ thất thoát, nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước Bảo Lộc, sử dụng công cụ tài chính doanh nghiệp Đan Mạch, tiếp tục triển khai các bước tiếp theo theo qui trình thủ tục đầu tư, đảm bảo theo qui định về quản lý vốn đầu tư. Nhằm đạt sản lượng đến 2020 là 27.000m³/ngày /đêm, đáp ứng sử dụng nước của đô thị loại II theo tiêu chí của UBND Thành phố đề ra.

Lộ trình mua nước:

Dự kiến đến năm 2020 Công ty sẽ mua toàn bộ sản lượng của nhà máy nước Hồ Nam Phương sau khi hoàn thành cải tạo mạng của dự án dùng nguồn vốn ODA của Chính phủ Đan Mạch.

Căn cứ vào chủ trương của UBND tỉnh Lâm Đồng. Cty sẽ không khoan khai thác giếng nước ngầm mới, mà cùng với Cty Thiên Hòa an, Dự án ODA tập trung phát triển mạng lưới đường ống mở rộng phạm vi cung cấp nước và để tiếp nhận 02 nguồn nước mặt trên, đồng thời từng bước hạn chế dùng nguồn nước ngầm.

- Có chiến lược tiếp thị đến người dân trên địa bàn, bỏ thói quen tiêu dùng và tiến tới sử dụng nước sạch trong sinh hoạt. Phối hợp với ban ngành chức năng kiểm tra, ngăn chặn các hiện tượng dân tự khoan giếng không phép làm ô nhiễm nguồn nước, tháo tầng chứa nước.

Do kinh doanh ngành nước hiện nay Nhà nước còn chi phối về giá bán nên hiệu quả kinh doanh là không cao, để tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp thì cần phải mở rộng ngành nghề kinh doanh như : Kinh doanh mặt hàng nước tinh khiết đóng chai, kinh doanh địa ốc, kinh doanh nhà hàng khách sạn. Đây là những ngành nghề mới phát triển tại địa phương nên tiềm năng còn rất nhiều trong thời kỳ Thành phố Bảo Lộc đang chuyển biến mạnh.

Tuy nhiên do khả năng phạm vi cấp nước còn thiếu nên nhiệm vụ chủ yếu trọng tâm vẫn là phát triển, mở rộng phạm vi cấp nước trên địa bàn.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm 2016)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	36.508.300.594	36.055.726.153	1.24 %
Doanh thu thuần	22.944.148.357	23.883.127.648	4.10 %
Lợi nhuận từ HĐKD	2.685.321.033	2.151.424.425	- 19.88 %
Lợi nhuận khác	(320.558.952)	(11.064.321)	
Lợi nhuận trước thuế	2.364.762.081	2.140.360.104	- 9.49 %
Lợi nhuận sau thuế	1.776.496.656	1.703.630.795	- 4.10 %
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	597	631	5.70%

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	TH Năm 2016	% Tăng giảm (so KH)
Doanh thu thuần	20.908.440.000	23.883.127.648	14.23
Lợi nhuận trước thuế	1.842.000.000	2.140.360.104	16.20
Lợi nhuận sau thuế	1.473.600.000	1.703.630.795	15.61
Cổ tức (%)	4	4.7	17.50

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)

- Mở rộng hệ thống cấp nước

- Xây dựng hệ thống xử lý nước ngầm tại các trạm bơm.

- Đầu tư xây dựng các công trình di dời ống cấp nước, các tuyến ống khu dân cư và các tuyến ống cấp 3 50x60 mạng xương cá để phát triển mạng cung cấp nước cho khách hàng.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

Trong tương lai để đáp ứng cho tỷ lệ dân trong thành phố được sử dụng nước Sạch, cùng với chủ trương xã hội hóa ngành cấp nước .

Công ty đã mua nước của nhà máy nước Hồ Nam Phương với sản lượng 2.200m³/ngày/đêm với giá 4.100đ/m³(chưa bao gồm thuế vat)

Cty sẽ tiếp nhận nguồn nước 02 dự án trên và phát triển mở rộng khách hàng.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	81.55 %	87.18%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	18.46 %	12.83%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	11.08%	17.05%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	88.92%	82.95%
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1.67	0.75
2.2 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1.06	0.51
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	0.09	0.01
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	0.07	0.08
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	0.06	0.08
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	0.05	0.05
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	0.05	0.06

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán các năm 2015-2016)

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp : không

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
d) Cổ phiếu		
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu ưu đãi		-
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): không

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ trên vốn Điều lệ (%)
1	Cổ đông bán ra ngoài	649.700	6.497.000.000	24.06%
3	Cổ đông Nhà nước	2.050.300	20.503.000.000	75.94%
	Tổng cộng	2.700.000	27.000.000.000	100,00

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Do năm 2016 có số tháng mưa nhiều hơn, Khách hàng sử dụng tiết kiệm nước hơn năm trước, Lượng khách hàng mới có tăng so với năm trước nhưng m³ tăng không đáng kể do khách hàng lắp đặt chỉ để mùa khô dùng, năm 2016 cũng là năm kinh tế gặp nhiều khó khăn, các doanh nghiệp sản xuất, hoạt động cầm chừng, có DN phá sản nên cũng ảnh hưởng đến việc tăng trưởng doanh thu của Cty. Giá vật tư hàng hóa đầu vào tăng (điện, bảo hiểm, các khoản phí, lệ phí ...) :

- Nước sản xuất : 3.054.235 m³ đạt 107% so với kế hoạch

- Nước ghi thu : 2.266.243 m³ đạt 103% so với KH

- Tỷ lệ thất thoát : 25.8 %

Nhìn chung các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh còn lại đều đạt và vượt so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra Tuy nhiên Tỷ lệ thất thoát tăng so kế hoạch do trong năm thành phố tiến hành thi công làm đường Phan Đình Phùng, quá trình thi công có bể vỡ ống cấp nước, hệ thống ống phân phối làm từ 5-10 năm đã mục nát cũng làm tăng tỷ lệ thất thoát nước .

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Cơ cấu tổ chức công ty gọn nhẹ, phù hợp với yêu cầu thực tế của công việc

- Đầu tư hệ thống xử lý nâng chất lượng nước

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Trong tương lai nhiệm vụ trọng tâm Cty là cần phải mở rộng mạng lưới cấp nước đạt theo tiêu chí mà TP đã đề ra, có kế hoạch từng bước giảm nguồn nước ngầm, sử dụng nguồn nước mặt. Phát triển mở rộng các ngành nghề đã đăng ký kinh doanh, nhằm đa dạng hóa sản phẩm tăng thêm lợi nhuận cho Cty.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc

IV. Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6,654,038,058	4,683,413,093
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,166,441,112	561,515,742
1	Tiền	111	4	1,166,441,112	561,515,742
II.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3,061,676,333	2,588,663,097
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1,818,898,996	1,770,936,637
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	90,796,472	110,799,149
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1,203,009,775	751,783,501
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(51,028,910)	(44,856,190)
III.	Hàng tồn kho	140		2,425,920,613	1,502,080,212
1	Hàng tồn kho	141	9	2,425,920,613	1,502,080,212
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	31,154,042
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	-	31,154,042
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29,401,688,095	31,824,887,501
I.	Tài sản cố định	220		27,061,091,969	29,408,810,491
1	Tài sản cố định hữu hình	221	10	26,455,214,969	28,780,064,491
-	<i>Nguyên giá</i>	222		51,553,448,249	51,123,680,321
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(25,098,233,280)	(22,343,615,830)
2	Tài sản cố định vô hình	227	11	605,877,000	628,746,000
-	<i>Nguyên giá</i>	228		754,671,000	754,671,000
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(148,794,000)	(125,925,000)
II.	Tài sản dở dang dài hạn	240		74,212,547	286,308,338
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	74,212,547	286,308,338
III.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		300,000,000	300,000,000
1	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	300,000,000	300,000,000

IV.	Tài sản dài hạn khác	260		1,966,383,579	1,829,768,672
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1,922,234,043	1,829,768,672
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	29.3	44,149,536	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		36,055,726,153	36,508,300,594
	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		3,994,698,755	6,224,887,771
I.	Nợ ngắn hạn	310		3,994,698,755	6,224,887,771
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	354,222,358	-
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	774,000,000	1,109,000,000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	714,295,641	1,046,009,473
4	Phải trả người lao động	314		1,406,527,748	1,581,460,669
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	239,389,195	91,725,000
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	19	179,903,754	1,674,402,236
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	-	500,000,000
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	326,360,059	222,290,393
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32,061,027,398	30,283,412,823
I.	Vốn chủ sở hữu	410	22	32,061,027,398	30,283,412,823
1	Vốn cổ phần	411		27,000,000,000	27,000,000,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	22.2	27,000,000,000	27,000,000,000
2	Vốn khác của chủ sở hữu	414		1,578,413,446	-
3	Quỹ đầu tư phát triển	418		1,637,602,348	1,472,372,682
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1,845,011,604	1,811,040,141
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		<i>141,380,809</i>	<i>34,543,485</i>
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		<i>1,703,630,795</i>	<i>1,776,496,656</i>
5	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		36,055,726,153	36,508,300,594

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23.1	23,883,127,648	22,944,969,357
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	821,000
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23.1	23,883,127,648	22,944,148,357
4 Giá vốn hàng bán	11	24	14,421,736,233	13,596,556,512
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9,461,391,415	9,347,591,845
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	23.2	21,817,886	23,074,382
7 Chi phí tài chính	22	25	4,700,000	99,572,119
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,700,000	99,572,119
8 Chi phí bán hàng	25	26	4,661,690,938	4,377,731,749
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	2,665,393,938	2,208,041,326
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,151,424,425	2,685,321,033
11 Thu nhập khác	31		30,072,023	5,166,000
12 Chi phí khác	32		41,136,344	325,724,952
13 Lợi nhuận khác	40	27	(11,064,321)	(320,558,952)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,140,360,104	2,364,762,081
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29.1	480,878,845	588,265,425
16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29.3	(44,149,536)	-
17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		1,703,630,795	1,776,496,656
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	631	597
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	631	597

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Lợi nhuận trước thuế	01		2,140,360,104	2,364,762,081
2	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	10; 11	2,777,486,450	2,750,383,074
-	Các khoản dự phòng	03	8	6,172,720	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23.2	(21,817,886)	(23,074,382)
-	Chi phí lãi vay	06		4,700,000	99,572,119
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4,906,901,388	5,191,642,892
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(536,385,492)	(729,016,279)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(846,724,744)	668,360,746
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(68,414,265)	(2,456,296,336)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		73,668,805	(302,085,710)
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(4,700,000)	(7,847,119)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(734,537,804)	(314,913,389)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(172,310,000)	(290,213,992)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2,617,497,888	1,759,630,813
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	10	(291,513,011)	(756,671,426)
2	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21,817,886	23,074,382
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(269,695,125)	(733,597,044)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2	Tiền thu từ đi vay	33		-	2,498,833,490

3	Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(500,000,000)	(1,998,833,490)
4	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	22.3	(1,242,877,393)	(1,316,981,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1,742,877,393)	(816,981,000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		604,925,370	209,052,769
	Tiền đầu năm	60	4	561,515,742	352,462,973
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ					
		61		-	-
	Tiền cuối năm	70	4	1,166,441,112	561,515,742

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần theo Quyết định số 3726/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4203000184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 02 năm 2008 và theo ba (03) lần điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Số giấy chứng nhận	Ngày
Điều chỉnh lần thứ 01 phê duyệt thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.	5800563106	6/24/2011
Điều chỉnh lần thứ 02 phê duyệt thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh và thành lập chi nhánh.	5800563106	6/12/2015
Điều chỉnh lần thứ 03 phê duyệt thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.	5800563106	12/6/2016

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và phân phối nước sạch; tư vấn lập dự án đầu tư; xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; sản xuất nước tinh khiết đóng chai; khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; xử lý nước thải, xử lý môi trường; đầu tư xây dựng hạ tầng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;

và 01 chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc - Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế tại phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 92 người

(ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 84 người)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ	Chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	02 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	33 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí đồng hồ thuê bao;
- Chi phí ống cấp 3, ống trục chung

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- *Quỹ Đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty

- *Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi*

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Doanh thu cung cấp nước

Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận hàng tháng căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và đơn giá đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán bằng cách dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế của dự án. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là thi công lắp đặt và cung cấp nước. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong khu vực tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

1 TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	120,751,881	131,809
Tiền gửi ngân hàng	<u>1,045,689,231</u>	<u>561,383,933</u>
TỔNG CỘNG	<u>1,166,441,112</u>	<u>561,515,742</u>

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Bảo Lộc	1,137,472,067	639,779,059
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Lâm Đồng		1,022,984,802
Ban chỉ huy phòng chống thiên tai thành phố Bảo Lộc	545,727,938	
Các khoản phải thu khách hàng khác	<u>135,698,991</u>	<u>108,172,776</u>
TỔNG CỘNG	<u>1,818,898,996</u>	<u>1,770,936,637</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51,028,910)	(44,856,190)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Môi trường Đơn Giản	16,000,000	16,000,000
Công ty TNHH Vũ Trường Thịnh		61,086,399
Văn phòng đăng ký đất đai Bảo Lộc		33,712,750
Công ty TNHH Kiểm toán FAC	16,500,000	
Công ty TNHH Công nghiệp và tự động hóa NKD	33,296,472	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ công nghệ môi trường Đô Thị Xanh	<u>25,000,000</u>	
TỔNG CỘNG	<u>90,796,472</u>	<u>110,799,149</u>

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	111,150,000	124,200,000
Tạm ứng cho nhân viên	1,067,708,909	570,656,646
Ký quỹ bảo lãnh	24,000,000	
Phải thu khác	<u>150,866</u>	<u>56,926,855</u>
TỔNG CỘNG	<u>1,203,009,775</u>	<u>751,783,501</u>

8 NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Đối tượng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Cty TNHH Quóc Minh	14.554.000	-	14.554.000	-
Ban Qly dự án Đầu tư và Xây dựng Đạ te	13.700.000	-	13.700.000	-
Khách hàng sử dụng nước	<u>50.768.800</u>	<u>27.993.890</u>	<u>50.768.800</u>	<u>34.166.610</u>
Tổng cộng	<u>79.022.800</u>	<u>27.993.890</u>	<u>79.022.800</u>	<u>34.166.610</u>

- Đây là khoản nợ quá hạn từ 01 năm đến trên 03 năm và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại Thuyết minh số 05.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	44.856.190	44.856.190
Trích lập dự phòng trong năm	<u>6.172.720</u>	-
Số cuối năm	<u>51.028.910</u>	<u>44.856.190</u>

9 HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1,367,317,500	-	1,205,783,681	-
Công cụ, dụng cụ	42,953,150	-	70,557,916	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	<u>1,015,649,963</u>	-	<u>225,738,615</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>2,425,920,613</u>	-	<u>1,502,080,212</u>	-

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Toảng công
Nguyên giá:					
Số đầu năm	10,632,237,231	10,841,346,247	29,191,019,290	459,077,553	51.123.680.321
Mua trong năm	-	115,860,000	175,653,011	-	291.513.011
Tặng khác	-	-	138,254,917	-	138.254.917
Số cuối năm	<u>10,632,237,231</u>	<u>10,957,206,247</u>	<u>29,504,927,218</u>	<u>459,077,553</u>	<u>51.553.448.249</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	955,267,862	134,110,164	668,394,000	420,974,826	2.178.746.852
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	5.238.353.565	6.513.921.563	10.142.422.875	448.917.827	22.343.615.830
Khấu hao trong năm	<u>516.366.000</u>	<u>1.075.881.775</u>	<u>1.1154.748.675</u>	<u>7.621.000</u>	<u>2.754.617.450</u>
Số cuối năm	<u>5.754.719.565</u>	<u>7.589.803.338</u>	<u>11.297.171.550</u>	<u>456.538.827</u>	<u>25.098.233.280</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>5.393.883.666</u>	<u>4.327.424.684</u>	<u>19.048.596.415</u>	<u>10.159.726</u>	<u>28.780.064.491</u>
Số cuối năm	<u>4.877.517.666</u>	<u>3.367.402.909</u>	<u>18.207.755.668</u>	<u>2.538.726</u>	<u>26.455.214.969</u>

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sd đất	VND Tổng cộng
Nguyên giá:		
Số đầu năm	754,671,000	754,671,000
Mua trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>754,671,000</u>	<u>754,671,000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Số đầu năm	125,925,000	125,925,000
Khấu hao trong năm	22,869,000	22,869,000
Số cuối năm	<u>148,794,000</u>	<u>148,794,000</u>
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm	628,746,000	628,746,000
Số cuối năm	<u>605,877,000</u>	<u>605,877,000</u>

Tài sản cố định vô hình là Giá trị Quyền sử dụng đất của Công ty với thời hạn sử dụng đất đến tháng 10 năm 2043. Chi tiết:

	Nguyên giá	VND Diện tích (m ²)
Quyền sử dụng đất tại Trạm bơm 04 đường Bùi thị xuân	176,541,000	150
Quyền sử dụng đất tại Trạm bơm 05 đường Hoàng Văn Thụ	166,050,000	430
Quyền sử dụng đất tại Trạm bơm 06 phường Lộc Sơn	217,080,000	120
Quyền sử dụng đất tại Giếng xã Lộc Châu	195,000,000	150
TỔNG CỘNG	<u>754,671,000</u>	<u>850</u>

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Chi phí xây dựng các công trình tuyến ống	74,212,547		286,308,338
TỔNG CỘNG	<u>74,212,547</u>		<u>286,308,338</u>

13 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cuối năm Giá gốc đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu(%)	Số đầu năm Giá gốc đầu tư (VND)
Cty CP Xây dựng và Cấp thoát nước Di Linh	3.26%	<u>300,000,000</u>	3.26%	<u>300,000,000</u>
TỔNG CỘNG		<u>300,000,000</u>		<u>300,000,000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang nắm giữ 30.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Cấp thoát nước Di Linh.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	<u>31,154,042</u>
TỔNG CỘNG	-	<u>31,154,042</u>
Dài hạn		
Chi phí đồng hồ	1,062,116,009	859,592,448
Chi phí ống cấp 3	672,933,067	672,133,494
Chi phí tuyến ống	187,184,967	121,654,897
Chi phí sửa chữa lớn	-	176,387,833
TỔNG CỘNG	<u>1,922,234,043</u>	<u>1,829,768,672</u>

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Giá trị	
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	111,875,300	-	-
Đoàn Tài nguyên nước Nam Tây Nguyên	<u>242,347,058</u>	-	-
TỔNG CỘNG	<u>354,222,358</u>	-	-

16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Bảo Lộc	<u>774,000,000</u>	<u>1,109,000,000</u>

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế Giá trị gia tăng	473,576,642	1,377,508,132	(1,477,306,778)	373,777,996
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29.1)	408,265,425	480,878,845	(734,537,804)	154,606,466
Thuế Thu nhập cá nhân	20,475,036	69,118,155	(87,708,687)	1,884,504
Thuế Tài nguyên	44,189,680	629,705,972	(599,040,432)	74,855,220
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	4,142,528	(4,142,528)	-
Các loại thuế khác	<u>99,502,690</u>	<u>1,224,070,220</u>	<u>(1,214,401,455)</u>	<u>109,171,455</u>
TỔNG CỘNG	<u>1,046,009,473</u>	<u>3,785,423,852</u>	<u>(4,117,137,684)</u>	<u>714,295,641</u>

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	-	91,725,000
Chi phí trích trước công trình	39,389,195	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	200,000,000	-
TỔNG CỘNG	<u>239,389,195</u>	<u>91,725,000</u>

19 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	82,347,886	108,810,446
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	97,555,868	125,433,261
Nhận tài sản từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng	-	1,440,158,529
TỔNG CỘNG	<u>179,903,754</u>	<u>1,674,402,236</u>

20 VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Vay trong năm	Chi trả vay trong năm	Số cuối năm
Vay cá nhân	<u>500,000,000</u>	-	<u>(500,000,000)</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>500,000,000</u>	-	<u>(500,000,000)</u>	-

21 QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	222,290,393	202,142,333
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 22.1)	165,229,666	186,162,052
Sử dụng trong năm	<u>(61,160,000)</u>	<u>(166,013,992)</u>
Số cuối năm	<u>326,360,059</u>	<u>222,290,393</u>

22 VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ đầu tư

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	27,000,000,000	-	1,193,129,604	1,987,948,615	30,181,078,219
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1,776,496,656	1,776,496,656

Trích lập quỹ	-	-	279,243,078	(465,405,130)	(186,162,052)
Cổ tức công bố	-	-	-	(1,350,000,000)	(1,350,000,000)
Chi thù lao	-	-	-	(138,000,000)	(138,000,000)
Số cuối năm	<u>27,000,000,000</u>	-	<u>1,472,372,682</u>	<u>1,811,040,141</u>	<u>30,283,412,823</u>
Năm nay					
Số đầu năm	27,000,000,000	-	1,472,372,682	1,811,040,141	30,283,412,823
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1,703,630,795	1,703,630,795
Tăng vốn khác	-	1,578,413,446	-	-	1,578,413,446
Trích lập quỹ	-	-	165,229,666	(330,459,332)	(165,229,666)
Cổ tức công bố	-	-	-	(1,215,000,000)	(1,215,000,000)
Chi thù lao	-	-	-	(124,200,000)	(124,200,000)
Số cuối năm	<u>27,000,000,000</u>	<u>1,578,413,446</u>	<u>1,637,602,348</u>	<u>1,845,011,604</u>	<u>32,061,027,398</u>

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ
Vốn đầu tư của nhà nước	20.503.000.000	75.94%	20.503.000.000	75.94%
Vốn góp các đối tượng khác	<u>6.497.000.000</u>	<u>24.06%</u>	<u>6.497.000.000</u>	<u>24.06%</u>
Tổng công	<u>27.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>27.000.000.000</u>	<u>100%</u>

22.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm và cuối năm	<u>27,000,000,000</u>	<u>27,000,000,000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	1,215,000,000	1,350,000,000
Cổ tức đã trả bằng tiền	(1,242,877,393)	(1,316,981,000)

22.4. Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	2,700,000	2,700,000

Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10,000 Đồng/Cổ phiếu	
(31 tháng 12 năm 2015:	10,000 Đồng/Cổ phiếu)	

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được hưởng quyền cổ tức do Công ty công bố.

23 DOANH THU

23.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	23,883,127,648	22,944,969,357
Trong đó		
Doanh thu thi công lắp đặt	3,650,799,149	4,460,308,350
Doanh thu bán hàng	16,245,451	16,090,911
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20,216,083,048	18,468,570,096
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	-	821,000
Doanh thu thuần	<u>23,883,127,648</u>	<u>22,944,148,357</u>
Trong đó:		
Doanh thu thuần thi công lắp đặt	3,650,799,149	4,459,487,350
Doanh thu thuần từ bán hàng	16,245,451	16,090,911
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	20,216,083,048	18,468,570,096

23.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi	5,917,886	6,521,098
Cổ tức, lợi nhuận được chia	<u>15,900,000</u>	<u>16,553,284</u>
TỔNG CỘNG	<u>21,817,886</u>	<u>23,074,382</u>

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của hoạt động thi công lắp đặt	2,953,776,002	3,743,929,549
Giá vốn của hoạt động bán hàng	<u>11,467,960,231</u>	<u>9,852,626,963</u>
TỔNG CỘNG	<u>14,421,736,233</u>	<u>13,596,556,512</u>

25	CHI PHÍ TÀI CHÍNH		VND
		Năm nay	Năm trước
	Lãi tiền vay	4,700,000	99,572,119
	TỔNG CỘNG	<u>4,700,000</u>	<u>99,572,119</u>
26	CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		VND
		Năm nay	Năm trước
	Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
	Chi phí nhân viên bán hàng	2,026,012,122	1,820,896,155
	Chi phí vật liệu, bao bì	908,950,503	786,922,586
	Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1,212,460,675	1,207,237,465
	Chi phí bán hàng khác	<u>514,267,638</u>	<u>562,675,543</u>
	TỔNG CỘNG	<u>4,661,690,938</u>	<u>4,377,731,749</u>
	Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
	Chi phí nhân viên quản lý	1,091,766,311	994,442,641
	Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	<u>1,573,627,627</u>	<u>1,213,598,685</u>
	TỔNG CỘNG	<u>2,665,393,938</u>	<u>2,208,041,326</u>
27	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC		VND
		Năm nay	Năm trước
	Thu nhập khác		
	Lãi do thanh lý tài sản	30,000,000	-
	Các khoản khác	<u>72,023</u>	<u>5,166,000</u>
		<u>30,072,023</u>	<u>5,166,000</u>
	Chi phí khác		
	Thuế truy thu từ các năm trước	-	(325,724,952)
	Các khoản bị phạt	(26,740,078)	-
	Các khoản khác	<u>(14,396,266)</u>	-
		<u>(41,136,344)</u>	<u>(325,724,952)</u>
	LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN	<u>(11,064,321)</u>	<u>(320,558,952)</u>
28	CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ		VND
		Năm nay	Năm trước
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5,382,099,173	5,819,049,750

Chi phí nhân công	9,097,505,193	8,407,152,438
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (Thuyết minh số 10 và 11)	2,777,486,450	2,750,383,074
Các chi phí bằng tiền	<u>3,858,290,673</u>	<u>3,475,445,638</u>
TỔNG CỘNG	<u>21,115,381,489</u>	<u>20,452,030,900</u>

28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với mức thuế suất bằng 20% **lợi nhuận chịu thuế (2016: 22%)**.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	480,878,845	588,265,425
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	<u>(44,149,536)</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>436,729,309</u>	<u>588,265,425</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,140,360,104	2,364,762,081
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Chi phí không được trừ	59,186,441	325,724,952
Chi phí trích trước	220,747,679	-
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	<u>(15,900,000)</u>	<u>(16,553,284)</u>
Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm	<u>2,404,394,224</u>	<u>2,673,933,749</u>

Chi phí thuế TNDN hiện hành	480,878,845	588,265,425
Thuế TNDN phải trả đầu năm	408,265,425	134,913,389
Thuế TNDN đã trả trong năm	<u>(734,537,804)</u>	<u>(314,913,389)</u>
Thuế TNDN phải trả cuối năm (Thuyết minh số 17)	<u>154,606,466</u>	<u>408,265,425</u>

28.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục lợi nhuận chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28.3. Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí trích trước	<u>44,149,536</u>	-	<u>(44,149,536)</u>	-
	<u>44,149,536</u>	-		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			<u>(44,149,536)</u>	-

28 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	1,000,283,136	608,079,081
Thù lao	<u>216,000,000</u>	<u>216,000,000</u>
TỔNG CỘNG	<u>1,216,283,136</u>	<u>824,079,081</u>

28 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế (VND)	1,703,630,795	1,776,496,656
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi	-	<u>(165,229,666)</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1,703,630,795	1,611,266,990
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	2,700,000	2,700,000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản và lãi suy giảm	631	597

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2015 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 27 tháng 5 năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2016 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

32 MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phát sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu mở thư tín dụng hoặc các hình thức bảo hiểm tín dụng khác cho mọi lần chuyển hàng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong Thuyết minh số 8, Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở được chiết khấu:

	Dưới 1 năm
Số cuối năm	
Các khoản vay và nợ	-
Phải trả người bán	419,292,949
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	<u>773,515,307</u>
Số đầu năm	
Các khoản vay và nợ	500,000,000
Phải trả người bán	-
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	<u>1,766,127,236</u>
	<u>2,266,127,236</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

32 TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Số cuối năm Nguyên giá	Giá trị ghi sổ		VND	
		Dự phòng	Số đầu năm Nguyên giá	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1,818,898,996	(51,028,910)	1,770,936,637	(44,856,190)	
Phải thu ngắn hạn khác	1,203,009,775	-	751,783,501	-	
Các khoản đầu tư dài hạn khác	300,000,000	-	300,000,000	-	
Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>1,166,441,112</u>	-	<u>561,515,742</u>	-	
TỔNG CỘNG	<u>4,488,349,883</u>	<u>(51,028,910)</u>	<u>3,384,235,880</u>	<u>(44,856,190)</u>	

	Số cuối năm	Giá trị hợp lý		VND	
		Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Tài sản tài chính					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1,767,870,086	1,726,080,447			
Phải thu ngắn hạn khác	1,203,009,775	751,783,501			
Các khoản đầu tư dài hạn khác	300,000,000	300,000,000			
Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>1,166,441,112</u>	<u>561,515,742</u>			
TỔNG CỘNG	<u>2,669,450,887</u>	<u>1,613,299,243</u>			
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm	Số cuối năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Nợ phải trả tài chính	-	-			
Vay và nợ	500,000,000	-		500,000,000	

	354,222,358		
Phải trả người bán	-	354,222,358	-
Chi phí phải trả và phải trả khác	<u>354,222,358</u>		
	<u>1,766,127,236</u>	<u>354,222,358</u>	<u>1,766,127,236</u>
	<u>708,444,716</u>		
TỔNG CỘNG	<u>2,266,127,236</u>	<u>708,444,716</u>	<u>2,266,127,236</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

32 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

VI. Ý kiến kiểm toán độc lập

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc ("Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2017, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính

thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

(đã ký)

(đã ký)

Điền Văn Châu - Phó Tổng Giám đốc

Đỗ Hoàng Chương - Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0701-2013-099-1*
Thành phố Hồ Chí Minh,
ngày 20 tháng 3 năm 2017

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2662-2015-099-1*

VII. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty :

UBND Tỉnh Lâm Đồng .

- Công ty được UBND Tỉnh Ủy quyền

Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng

Công ty CP Cấp Thoát Nước và XD Bảo Lộc(ngày 20/9/2016 theo QĐ số 2081/QĐ-UBND)

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan :

Cty Cổ phần cấp Nước và XD Di linh

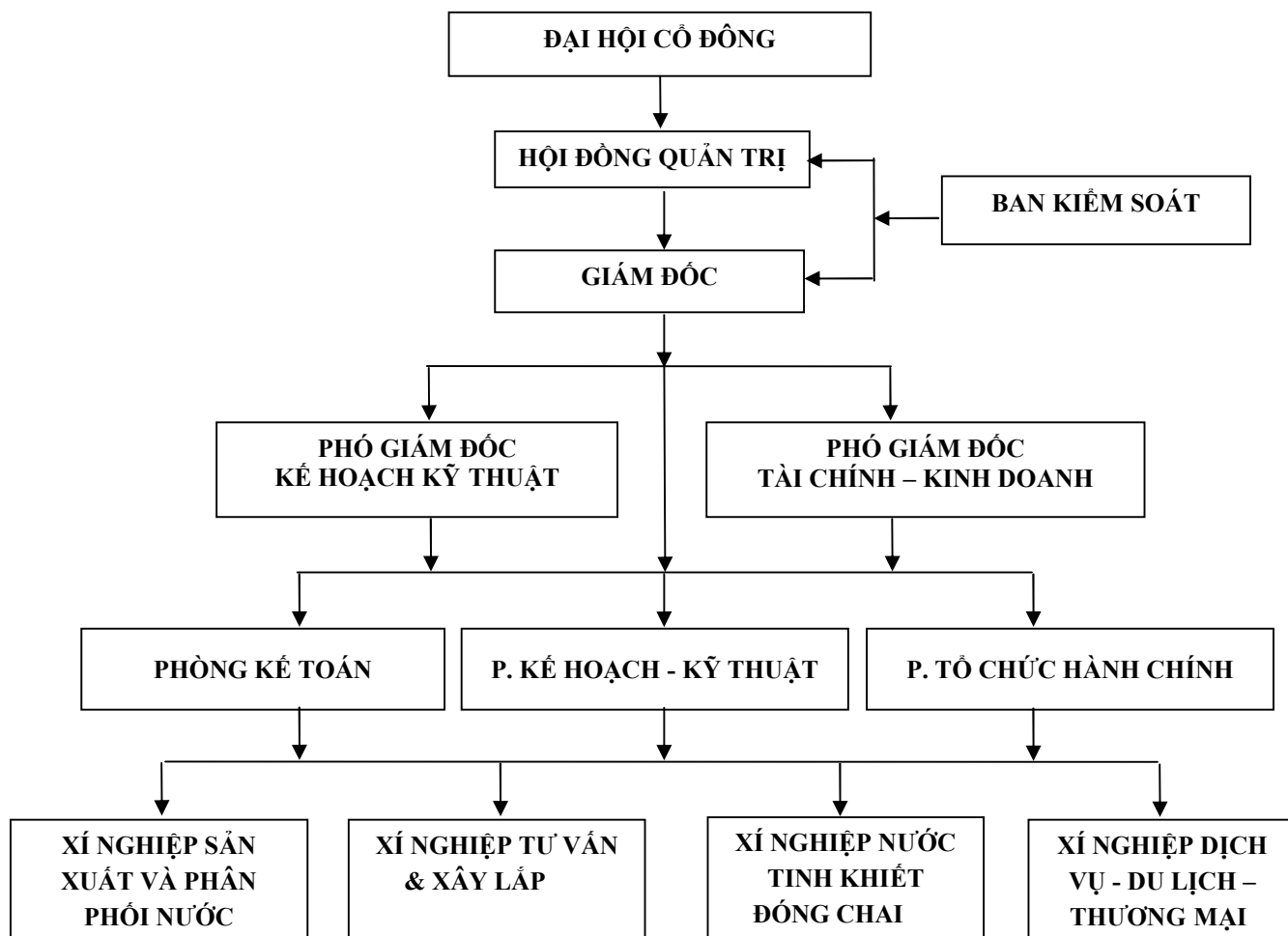
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

* Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 686/QĐ/UB ngày 24/10/1992 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 1998 chuyển thành loại hình doanh nghiệp công ích theo quyết định số 1269/QĐ/UB của UBND Tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 2016 Công ty CP Cấp Thoát Nước và XD Bảo Lộc được Ủy Ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng Ủy quyền quản lý phần vốn Nhà nước theo quyết định số 2081/QĐ – UBND Tỉnh Lâm Đồng.

* Công ty Cổ phần cấp nước và XD Di linh là một doanh nghiệp nhà nước được chuyển qua Cty Cổ phần thành lập theo quyết định số 2129/QĐ/UB ngày 24/08/2009 của UBND tỉnh Lâm Đồng. V/v phê duyệt phương án cổ phần nhà máy nước Di linh

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty



Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Võ Quang Tuân – Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 12/11/2016)

Họ và tên:	Võ Quang Tuân
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/04/1957
Nơi sinh:	Đà Lạt – Lâm Đồng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Nguyên quán:	Phú Vang – Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú:	195/12 Phan Đình Phùng, Đà Lạt, Lâm Đồng.
Trình độ Văn hoá :	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 5/1977 - 1985 : Ban Phân vùng Qui Hoạch Lâm Đồng
- 1985 - 7/1991 : Ủy Ban Kế hoạch Thống kê Lâm Đồng

- 7/1991 - nay : Giám đốc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Giám đốc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
 - Các khoản nợ đối với công ty: Không.
 - Số cổ phần sở hữu: 2000 cổ phần, chiếm 0,07% tổng số cổ phần của công ty.
 - Số cổ phần đại diện: 1.640.240 cổ phần, chiếm 60,75% tổng số cổ phần của công ty.
 - Tổng số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần.

Ông Võ Quốc Trang – Phó chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 12/11/2016)

Họ và tên: **Võ Quốc Trang**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/09/1964

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: 9A Lê Hồng Phong, Đà Lạt, Lâm Đồng

Trình độ Văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Tóm tắt quá trình công tác:

- 1982 – nay : Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc
- Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Phó Giám đốc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
 - Các khoản nợ đối với công ty: Không.
 - Số cổ phần sở hữu: 5.000 cổ phần, chiếm 0,19% tổng số cổ phần của công ty.
 - Số cổ phần đại diện: Không
 - Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

Ông Võ Thành Y – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

Họ và tên: **Võ Thành Y**

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 19/05/1957
Nơi sinh: Yên Thành – Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Yên Thành – Nghệ An
Địa chỉ thường trú: 33 Đinh Tiên Hoàng, P.2, TX.Bảo Lộc, Lâm Đồng.
Trình độ Văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 04/1982 – 06/1991 : Nhà máy nước Bảo lộc – huyện Bảo lộc .
- 07/1992 – 02/2008 : Nhà máy cấp nước Bảo lộc TX Bảo Lộc
- 03/2008 – nay : Cty CP Cấp thoát nước và XD bảo lộc

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 10.900 cổ phần chiếm 0.40 % tổng số cổ phần của Công ty
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Phan Thị Trâm (vợ) : 5.400 cp chiếm 0.2% tổng số cổ phần của công ty.
- Võ Thị Thái Thanh (con gái) : 7.000 CP 0.26% tổng số cổ phần của công ty.

Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Chủ Tịch HĐQT Cty (Bổ nhiệm từ ngày 12/11/2016)

Họ và tên: Nguyễn Trọng Hiếu
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 23/12/1969
Nơi sinh: Lập Thạch, Vĩnh Phúc
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Lập Thạch, Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú: 2A/7 Đội Cấn, P.Lộc Sơn, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Trình độ Văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 07/1991 – 06/1992 : Kế toán Xí nghiệp Quản lý Nhà đất và công trình Công cộng Bảo Lộc

- 07/1992 – 02/2008 : Kế toán Nhà máy cấp nước Bảo lộc TX Bảo Lộc thuộc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .
- 03/2008 – 5/2014 : Kế toán Trưởng Cty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc
- 06/2014 – nay : Phó giám đốc Cty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 8.500 cổ phần, chiếm 0,31% tổng số cổ phần của Công ty.
- Số cổ phần đại diện: 1.435.210 CP, chiếm 53.16% tổng số cổ phần của Công ty.
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: 3.000 cổ phần
 - ❖ Bà: Dương Thị Hoa, Vợ của Ông: Nguyễn Trọng Hiếu, nắm giữ: 3.000 cổ phần, tương đương 0,11% VĐL

Bà Nguyễn Thị Diễm Loan – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Nguyễn Thị Diễm Loan**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 09/05/1967

Nơi sinh: Bảo Lộc, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: 38 Phạm Ngũ Lão, P.2, Bảo Lộc, Lâm Đồng

Trình độ Văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 1989 – 1995 : Bệnh viên II Lâm Đồng
- 1996 – nay : Phòng khám tư nhân.

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 34.700 cổ phần, chiếm 1.28% tổng số cổ phần của công ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

Ông Nguyễn Quốc Tuyển – Phó Chủ tịch HĐQT – Phó Giám đốc Công ty.

(Bổ nhiệm từ ngày 12/11/2016)

Họ và tên: Nguyễn Quốc Tuyển
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 29/01/1979
Nơi sinh: Bảo Lộc – Lâm Đồng.
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: 80 Phan Đăng Lưu -TP Bảo Lộc, Lâm Đồng.
Trình độ Văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng; Thạc sĩ khoa học

Tóm tắt quá trình công tác:

- Tháng 4/2001 -5/2004: Kỹ sư giám sát công trường, Kỹ sư trưởng – Dự Án Hàm Đường Bộ Hải Vân – Liên doanh Tập Đoàn HAZAMA (Nhật Bản) và CIENCO 6 (Việt Nam), Chủ Tịch Công Đoàn Bộ phận Xây dựng
- Tháng 9/2004 – 9/2006 : Học thạc sĩ - Trường Đại Học Liege – Vương Quốc Bỉ.
- Tháng 9/2016 – 11/2010 : Phó Giám Đốc Công ty CP Đầu tư xây dựng HPK - Tổng Công ty Vật tư nông nghiệp – Bộ NN & PTNN
- Tháng 4/2007 – 3/2014 : Giảng Viên - Khoa Xây dựng và cơ học ứng dụng, Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp Hồ Chí Minh
- Tháng 5/2010 – 3/2014 : Nghiên cứu sinh Tiến Sĩ – Học Viện Kỹ Thuật Quốc Gia Grenoble – Cộng Hòa Pháp
- Tháng 5/2014 – 11/2016 : Chuyên viên, Phó Trưởng phòng, Phòng Quản lý đô thị, UBND thành phố Bảo Lộc
- Tháng 11/2016 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Chủ tịch HĐQT- Phó Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: Không
- Số cổ phần đại diện: 615.090 CP chiếm 22.78% số cp Công ty.
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

Ông Nguyễn Văn Độ – Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 12/11/2016)

Họ và tên: Nguyễn Văn Độ
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 22/08/1965

Nơi sinh: Thường Tín, Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Thường Tín, Hà Nội
Địa chỉ thường trú: 02 Phan Bội Châu, P.1, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Trình độ Văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn: Kiểm định viên

Tóm tắt quá trình công tác:

- 08/1984 – 12/1988 : Công ty Chè Lâm Đồng
- 1989 – 02/2008 : Nhà máy cấp nước Bảo lộc TX Bảo Lộc thuộc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 03/2008 – nay : CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Chức vụ công tác hiện nay : Kiểm định đồng hồ đo nước, Thành viên HĐQT Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 59.600 cổ phần, chiếm 2,21% tổng số cổ phần của cty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Văn Dũng– Trưởng Ban kiểm soát. (Miễn nhiệm từ ngày 12/11/2016)

Họ và tên: **Nguyễn Văn Dũng**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 02/06/1968
Nơi sinh: Đà Lạt
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Ninh Thuận
Địa chỉ thường trú: 1A/2/10 Nguyễn Trãi, P.9, Đà Lạt, Lâm Đồng.
Trình độ Văn hoá : 12//12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 1989 – 1990 : Cục Thống Kê Lâm Đồng
- 1991 – nay : Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .

Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Kế TT Cty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: Không
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

Ông Vũ Văn Hoàng – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Vũ Văn Hoàng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/07/1959

Nơi sinh: Tân Hưng, Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Tân Hưng, Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

Địa chỉ thường trú: 43 Huỳnh Thúc Kháng, P.2, Bảo Lộc, Lâm Đồng

Trình độ Văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn: Trung cấp kỹ thuật địa chất - thủy văn

Tóm tắt quá trình công tác:

- 02/1980 – 10/1987 : Đoàn địa chất thủy văn 707 – Bảo lộc Lâm đồng
- 03/1997 – 02/2008 : Nhà máy cấp nước Bảo lộc TX Bảo Lộc thuộc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .
- 03/2008 – nay : CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Chức vụ công tác hiện nay : Tổ trưởng tổ ghi chỉ số đồng hồ, Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 4.600 cổ phần, chiếm 0,17% tổng số cổ phần của Cty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

Bà: Trần Thị Nga – Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty. (Bổ nhiệm từ ngày 12/11/2016)

Họ và tên: Trần Thị Nga

Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 20/03/1981
Nơi sinh: Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Dn tộc: Kinh
Nguyn qun: Yên Thành – Nghệ An
Địa chỉ thường trú: 53/35 Đình Tiên Hoàng TP Baùo Loäc, Lâm Đồng.
Trình độ Văn hoá : 12//12
Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 2008 – 2009 : Làm văn thư Công ty
- 2009 – 2010 : Làm Thủ quỹ Công ty.
- 2011 – T9/2016: Nhân viên phòng Kế toán
- T10/2016 – nay: Nhân viên phòng Kế hoạch đầu tư

Chức vụ công tác hiện nay : **Nhân viên phòng Kế hoạch đầu tư.**

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 2500CP chiếm 0.09% cp Công ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

Ông Lê Ngọc Vân – Thành Viên Ban Kiểm Soát (Bổ nhiệm từ ngày 12/11/2016)

Họ và tên: Lê Ngọc Vân
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 05/03/1955
Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú: 2/17 Lộc Sơn TP Bảo Lộc, Lâm Đồng.
Trình độ Văn hoá : 12//12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Tóm tắt quá trình công tác:

- 1978 – 1980 : Chuyên viên Bộ Tài chính TP Hồ Chí Minh
- 1981 – 1993: Kế toán trưởng Công ty Thi Công Cơ giới Lâm Đồng.
- 1994 – 2004: Trưởng phòng Tài chính Kế Hoạch Huyện Bảo Lâm - Lâm Đồng.

- 2005 – 2011: Phó Chủ tịch UBND Huyện Bảo Lâm – Lâm Đồng.
- 2012 – 2015: Trưởng Ban dân vận Huyện Bảo Lâm – Lâm Đồng.
- T4/2015- đến nay: Nghỉ hưu

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên BKS Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: Không
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

BAN GIÁM ĐỐC

1. Ông Võ Thành Y – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

2. Ông Nguyễn Quốc Tuyền – Phó Chủ Tịch HĐQT - Phó giám đốc Công ty.

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- HĐQT Cty gồm có thành viên :

Thành viên không trực tiếp làm việc tại Cty:

- Ông : Võ Quang Tuân : - Chủ tịch của HĐQT (Miễn nhiệm từ ngy 12/11/2016)
- Ông Võ Quốc Trang : - Phó chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngy 12/11/2016)
- Bà : Nguyễn Thị Diễm Loan : - Thành viên HĐQT

Thành viên trực tiếp làm việc tại Cty :

- Ông Võ Thành Y - Thành viên HĐQT - Giám đốc Cty
- Ông : Nguyễn Trọng Hiếu : - Chủ Tịch HĐQT Cty (Bổ nhiệm 12/11/2016)
- Ông : Nguyễn Quốc Tuyền: - Phó Chủ Tịch HĐQT – Phó Giám Đốc Công ty(BN 12/11/2016).

- Ông: Nguyễn Văn Độ : Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ 12/11/2016)

- Ban kiểm soát gồm có:

Thành viên không trực tiếp làm việc tại Cty:

- Ông Nguyễn Văn Dũng : Trưởng ban KS Cty (Miễn nhiệm từ ngày 12/11/2016)
- Ông : Lê Ngọc Vân: Thành viên BKS (Bổ nhiệm từ ngày 12/11/2016)

Thành viên làm việc tại cty:

- Bà Trần Thị Nga: Trưởng ban kiểm soát công ty (Bổ nhiệm từ ngày 12/11/2016)

- Ông Vũ Văn Hoàng : thành viên BKS
- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên : theo điều lệ
- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên :

- + Chủ tịch HĐQT : 3.500.000 đồng/tháng
- + Phó chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT: 2.500.000 đồng/ tháng
- + Trưởng ban KS : 2.500.000 đồng/tháng
- + Thành viên BKS: 1.750.000 đồng/tháng

Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành. Giá trị các khoản thù lao và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể.

- Có 03 thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, 01 thành viên Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, 01 Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên (so với thời điểm lập BCTC năm trước)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ	Thay đổi	Ghi chú
01	Vũ Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT	2.000 1.640.240	0,07 % 60,75%	Có	Cổ phần sở hữu Nhà nước Ủy quyền
02	Vũ Quốc Trang	T. viên HĐQT	5.000	0,19%	Có	Cổ phần Sở hữu
03	Vũ Thành Y	T. viên HĐQT	10.900	0.41 %	Không	Cổ phần Sở hữu
04	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	8.500 1.443.710	0,31% 53.47%	Có	Cổ phần Sở hữu
05	Nguyễn T Diễm Loan	T. viên HĐQT	34.700	1.28%	Không	Cổ phần Sở hữu
06	Nguyễn Quốc Tuyển	P.CT HĐQT	615.090	22.78%	Có	Cổ phần sở hữu Nhà nước Ủy quyền
07	Nguyễn Văn Độ	T. viên HĐQT	59.600	2.21%	Có	Cổ phần Sở hữu

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.:

Trong năm các thành viên trong HĐQT, Ban giám đốc điều hành, ban Kiểm soát và những người có liên quan không có giao dịch mua, bán chuyển nhượng cổ phiếu.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Công đông/thành viên góp vốn Nhà nước (Được UBND Tỉnh Ủy quyền)

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng là cơ quan đại diện cổ đông phần vốn Nhà nước.

Ngày 20 tháng 09 năm 2016 Công ty CP Cấp Thoát Nước và XD Bảo Lộc là cơ quan đại diện cổ đông phần vốn Nhà nước (theo QĐ của Ủy Ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng số 2081/QĐ-UBND)

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung:

Tên; **Công ty TNHH một TV Cấp thoát nước Lâm Đồng** là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 686/QĐ/UB ngày 24/10/1992 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 1998 chuyển thành loại hình doanh nghiệp công ích theo quyết định số 1269/QĐ/UB của UBND Tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình sắp xếp đổi mới, năm 2004 doanh nghiệp lại được điều chỉnh chuyển sang loại hình doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh. Ngày 18/10/2005 UBND Tỉnh Lâm Đồng ra quyết định số 2873/QĐ-UBND thành lập Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng. **Năm 2016 Công ty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc** được Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ủy quyền phần vốn Nhà nước theo quyết định số 2081/QĐ/UBND ngày 20/09/2016.

Địa chỉ liên lạc: Số 56 Lê Thị Pha – TP Bảo Lộc – Tỉnh Lâm Đồng

Nghành nghề kinh doanh:

Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch cho các khu đô thị và khu công nghiệp; Thoát nước và xử lý nước thải; Dịch vụ lưu trú ngắn hạn; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Số CP : 2.050.300 CP chiếm tỷ lệ 75.94 %/Tổng số CP.

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập : không

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài : có (01 cổ đông)

Bảo lộc, ngày 03 tháng 04 năm 2017

CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XD BẢO LỘC
CHỦ TỊCH HĐQT

